



# MARKET INSIGHTS REPORTS

20.03.2024

KHÚC CUA KHÓ KHĂN NHẤT ĐÃ QUA



# NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT  
*Mô hình rũ bỏ theo đúng lý thuyết sách giáo khoa phân tích kỹ thuật*
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY  
*Sản lượng huy động điện thực tế;  
Xuất khẩu Clinker và xi măng;*
- 10** TTCK MỸ  
*Dự báo các chỉ số sẽ tăng điểm nhẹ vào phiên giao dịch tối nay.*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	548
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	339
Số cổ phiếu giảm giá	139
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	242
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	108
Số cổ phiếu giảm giá	69
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	65

### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	366
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	192
Số cổ phiếu giảm giá	99
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	75

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	57,732.55	69,519.80	(11,787.26)
% KL toàn thị trường	6.31%	7.59%	
Giá trị	1,629,630	2,192,838	(563,208)
% GT toàn thị trường	7.09%	9.54%	

### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,755.61	2,052.13	(296.52)
% KL toàn thị trường	6.31%	7.59%	
Giá trị	49,703	47,623	2,080
% GT toàn thị trường	3.14%	3.01%	

### UPCOM

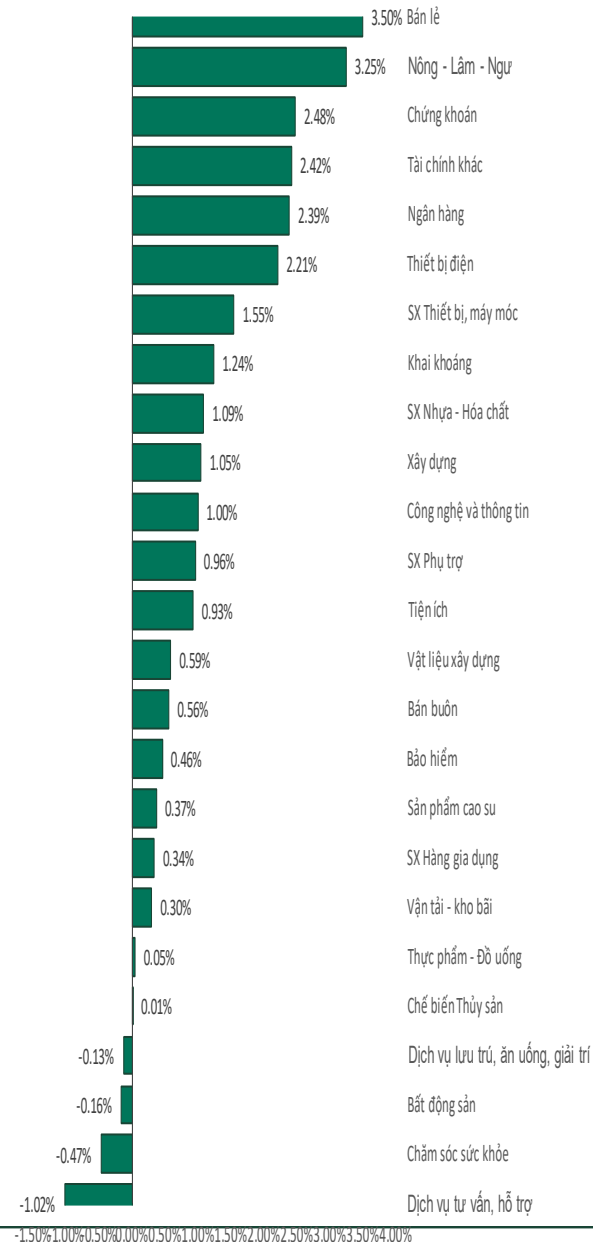
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	998.72	991.81	6.91
% KL toàn thị trường	2.61%	2.59%	
Giá trị	28,259	31,954	(3,695)
% GT toàn thị trường	5.54%	6.27%	

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

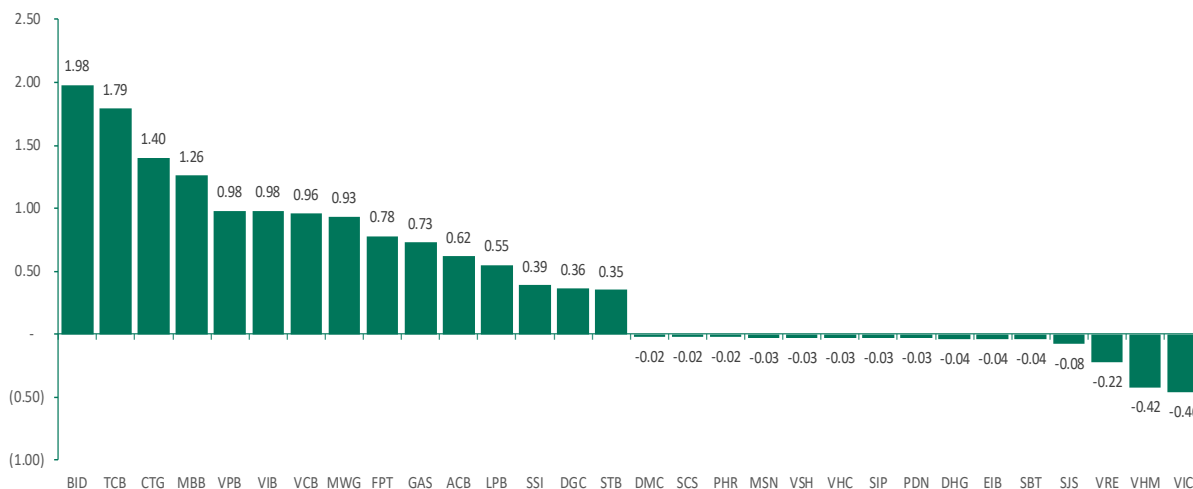
## TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	897,700	93,200	700 (0.76%)	15.77	3.09	5,910	520,903
2	BID	3,132,600	53,000	1,400 (2.71%)	16.96	2.46	3,125	302,123
3	GAS	1,462,300	81,000	1,300 (1.63%)	16.29	2.85	4,972	186,036
4	VHM	5,436,900	42,500	-400 (-0.93%)	5.55	1.01	7,664	185,061
5	CTG	9,484,900	34,350	1,050 (3.15%)	9.84	1.45	3,491	184,459
6	VIC	4,695,000	46,500	-500 (-1.06%)	83.78	1.20	555	177,800
7	HPG	12,971,200	30,000	200 (0.67%)	20.66	1.70	1,452	174,444
8	TCB	16,882,000	42,300	2,000 (4.96%)	7.39	1.13	5,725	149,002
9	VPB	11,504,800	18,650	500 (2.75%)	12.91	1.06	1,445	147,968
10	FPT	3,475,700	114,500	2,500 (2.23%)	24.57	4.86	4,661	145,411

## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 17.62 điểm (+ 1.42%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Bán lẻ, nông lâm ngư, chứng khoán, tài chính khác, ngân hàng, thiết bị điện, công nghệ thông tin, sản xuất thiết bị máy móc, khai khoáng, sản xuất nhựa hóa chất, xây dựng ... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như MWG, PNJ, FRT, HAG, HNG, SSI, VND, VIX, HCM, FTS, SHS, IPA, OGC, LPB, TCB, CTG, VIB, GEX, RAL, PAC, FPT, CTR, CMG, NHH, NAG, CTB, PVS, PVD, DGC, CSV, DPM, DCM, DDV, HUT, CTD, HHV ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá phục hồi mạnh tại hỗ trợ động MA(50) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Điểm mua vàng sắp xuất hiện khi MA(50) cắt lên MA(200) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

#### (ii) VIX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá hồi phục từ kênh đường kháng cự hình thành từ tháng 12/2023 và nay trở thành đường hỗ trợ - Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá vẫn có mục tiêu giá trung hạn với mô hình 3RV là 24.5;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

#### (iii) LPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Vùng hỗ trợ 16.5 vốn là vùng hỗ trợ mạnh theo mô hình PullBack Retest tuy nhiên ngày 18/3/2024 giá đã có một phiên Break Down khỏi khu vực hỗ trợ này. Tuy nhiên, cây nến 20/3/2024 là cây nến tăng giá mạnh xóa sạch cây nến giảm giá ngày 18/3/2024 và quay trở lại vượt lên trên vùng hỗ trợ - Với mô hình này cho thấy LPB vận động theo kiểu Fakeout, đây là giai đoạn giá giảm xuống Break Down khỏi cái đáy của giai đoạn Ledge nhưng không giảm nhiều. Fakeout cũng gọi là breakout giá. Ở giai đoạn này, nhà đầu tư thấy giá giảm thủng đáy sẽ hoảng loạn bán, nhưng không ngờ lại bán ngay đáy;
- ✓ LPB cũng hoàn thành 5 sóng tăng và sóng ABC. Hiện đang vào pha vận động với sóng giá mới có thể là sóng tăng giá trung hạn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 65%;

#### (iv) VIB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ đà tăng giá của – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới kể từ tháng 11/2023 – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Sóng 4 giảm giá theo mô hình ABC đã hoàn tất và thiết lập sóng 5 tăng giá với mục tiêu 26
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

#### (v) TCB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) có Break out kênh giảm giá gợi ý khả năng có Break out về giá của cổ phiếu;
- ✓ Giá hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu giá 52;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

**(2) Dịch vụ tư vấn hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe, bất động sản, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như TV2, VNC, DHG, DMC, NVT, VHM, VIC, VRE, KDH... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) VHM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 5 giảm giá và cũng tạo mô hình 12345 – Khả năng đang ở đoạn cuối chu kỳ giảm giá trung hạn;
- ✓ Với việc mở bán khoảng 4,000 sản phẩm tại Vũ Yên ngày mai, VHM có thể có doanh thu khoảng trên 30,000 ngàn tỷ đồng để hoạch toán lợi nhuận trong giai đoạn tới;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

#### (ii) KDH giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 giảm giá với hỗ trợ giá là 34;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

#### (iii) TV2 giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu có thể trong pha tái tích lũy theo mô hình Rally – Base – Rally;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “OutSide Day”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng vẫn nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng.

Các điểm cần lưu ý: (i) Về lý thuyết, thị trường vận động theo mô hình rữ bỏ. Chúng ta có một phiên giảm giá gây hoảng hốt vào ngày 18/3/2024 tuy nhiên không có sự đi xuống tiếp vào ngày sau phiên rữ bỏ - Thực tế thị trường đã đi lên. Nếu khối lượng lớn là giảm giá thì trường đã không đi lên. Ngày 19/2/2024 là một phiên giảm trở lại vào vùng khối lượng lớn trước đó và thông thường nếu khối lượng lớn thì đó lại là phiên kiểm tra thất bại (Điều này có lẽ trái ngược với suy nghĩ của đa số nhà đầu tư). Trên thực tế chúng ta có một phiên khối lượng thấp và đó tín hiệu mua vào theo lý thuyết. Tại sao vậy? Vì nó đã nhúng vào khu vực bán xuống của khu vực rữ bỏ nhưng chúng ta thấy khối lượng bán xuống đã biến mất. Ngày 20/03/2024 chúng ta có một cây nến xanh vượt 2/3 cây nến giảm ngày 18/3/2024 để xác nhận thị trường đã trở lại xu hướng tăng. (ii) Khối ngoại vẫn duy trì đã bán ròng hơn 500 tỷ. Áp lực bán tiếp tục nhằm vào nhóm chứng khoán nhưng tại mức hỗ trợ, cầu nhà đầu tư tại nhóm chứng khoán đã ngăn đà giảm từ lực bán của khối ngoại. (iii) Việc tăng giá trở lại của nhóm ngân hàng là điểm sáng trong ngày. Xu hướng tăng này báo hiệu sự điều chỉnh của sóng 4 nhóm ngân hàng đã kết thúc và điều này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. VIB tăng trần và thiết lập mốc cao mới trong khi đó LPB là cổ phiếu tăng giá mạnh thứ 2 từ nền thấp của mình. Đây là hai cổ phiếu đại diện cho nhóm tích lũy vượt đỉnh và nhóm điều chỉnh sâu có độ vắng lại nhanh nhất. Ngoài ra, cả CTG và TCB đều phục hồi cũng tốt từ vùng hỗ trợ chúng tôi đã chia sẻ. (iv) Độ rộng phá đỉnh thị trường tiếp tục tăng cao với TCH, DIG...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 03 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 24 mã cho tín hiệu đi ngang. VIC, MWG, VIB... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 53% và 33.33% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Kháng cự là 1,300 điểm. Hỗ trợ là 1,200 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ cổ phiếu LPB





## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	515.71	514.24	517.17	NO	521.76	524.9	530.95	534.09	512.57	506.52	503.38	497.33
HNXINDEX	237.11	236.65	237.57	NO	238.95	239.86	241.7	242.61	236.2	234.36	233.45	231.61
UPIINDEX	90.52	90.51	90.53	YES	90.79	91.04	91.31	91.56	90.27	90	89.75	89.48
VN30	1249.95	1245.4	1254.51	NO	1271.42	1283.77	1305.24	1317.59	1237.6	1216.13	1203.78	1182.31
VNINDEX	1252.37	1248.52	1256.22	NO	1269.26	1278.44	1295.33	1304.51	1243.19	1226.3	1217.12	1200.23
VNXALL	2023.23	2016	2030.45	NO	2054.13	2070.6	2101.5	2117.97	2006.76	1975.86	1959.39	1928.49
VN30FIM	1248.5	1245	1252	NO	1269	1282.5	1303	1316.5	1235	1214.5	1201	1180.5
VN30FIQ	1254.33	1250.5	1258.17	NO	1274.67	1287.33	1307.67	1320.33	1241.67	1221.33	1208.67	1188.33
VN30F2M	1252.6	1248.9	1256.3	NO	1273.1	1286.2	1306.7	1319.8	1239.5	1219	1205.9	1185.4
VN30F2Q	1253.77	1250.65	1256.88	NO	1272.33	1284.67	1303.23	1315.57	1241.43	1222.87	1210.53	1191.97
ACB	27.33	27.25	27.42	NO	27.87	28.23	28.77	29.13	26.97	26.43	26.07	25.53
BCM	64.7	64.55	64.85	NO	65.6	66.2	67.1	67.7	64.1	63.2	62.6	61.7
BID	52.2	51.8	52.6	NO	53.9	54.8	56.5	57.4	51.3	49.6	48.7	47
BVH	42.15	42.1	42.2	NO	42.5	42.75	43.1	43.35	41.9	41.55	41.3	40.95
CTG	33.95	33.75	34.15	NO	34.9	35.45	36.4	36.95	33.4	32.45	31.9	30.95
FPT	113.53	113.05	114.02	NO	115.97	117.43	119.87	121.33	112.07	109.63	108.17	105.73
GVR	32.67	32.6	32.73	NO	33.13	33.47	33.93	34.27	32.33	31.87	31.53	31.07
GAS	80.6	80.4	80.8	NO	81.6	82.2	83.2	83.8	80	79	78.4	77.4
HDB	22.4	22.3	22.5	NO	23	23.4	24	24.4	22	21.4	21	20.4
HPG	29.95	29.92	29.97	YES	30.15	30.3	30.5	30.65	29.8	29.6	29.45	29.25
MBB	23.88	23.75	24.02	NO	24.67	25.18	25.97	26.48	23.37	22.58	22.07	21.28
MSN	77.2	77.15	77.25	YES	77.9	78.5	79.2	79.8	76.6	75.9	75.3	74.6
MWG	47.42	47.13	47.71	NO	49.23	50.47	52.28	53.52	46.18	44.37	43.13	41.32
PLX	37.42	37.4	37.43	YES	37.83	38.22	38.63	39.02	37.03	36.62	36.23	35.82
POW	11.37	11.35	11.38	NO	11.48	11.57	11.68	11.77	11.28	11.17	11.08	10.97
SAB	56.8	56.75	56.85	YES	57.2	57.5	57.9	58.2	56.5	56.1	55.8	55.4
SSB	22.42	22.35	22.48	NO	22.68	22.82	23.08	23.22	22.28	22.02	21.88	21.62
SHB	11.3	11.27	11.33	NO	11.5	11.65	11.85	12	11.15	10.95	10.8	10.6
SSI	36.88	36.72	37.04	NO	37.52	37.83	38.47	38.78	36.57	35.93	35.62	34.98
TCB	41.6	41.25	41.95	NO	43.15	44	45.55	46.4	40.75	39.2	38.35	36.8
STB	30.85	30.7	31	NO	31.55	31.95	32.65	33.05	30.45	29.75	29.35	28.65
TPB	18.43	18.35	18.52	NO	18.92	19.23	19.72	20.03	18.12	17.63	17.32	16.83
VHM	42.57	42.6	42.53	YES	42.93	43.37	43.73	44.17	42.13	41.77	41.33	40.97
VCB	93.27	93.3	93.23	YES	94.03	94.87	95.63	96.47	92.43	91.67	90.83	90.07
VIB	23.07	22.8	23.33	NO	24.13	24.67	25.73	26.27	22.53	21.47	20.93	19.87
VIC	46.43	46.4	46.47	YES	47.07	47.63	48.27	48.83	45.87	45.23	44.67	44.03
VJC	101.1	101.05	101.15	YES	102.1	103	104	104.9	100.2	99.2	98.3	97.3
VPB	18.5	18.42	18.58	NO	18.8	18.95	19.25	19.4	18.35	18.05	17.9	17.6
VNM	68.03	68.05	68.02	YES	68.57	69.13	69.67	70.23	67.47	66.93	66.37	65.83
VRE	26.45	26.5	26.4	NO	26.8	27.25	27.6	28.05	26	25.65	25.2	24.85

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	Avg Volume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VIB	27,152,800	5,199,580	522	6.79
FUEVFNVD	13,437,500	2,417,570	556	3.39
BOT	4,123,600	533,490	773	13.79
MST	3,450,300	1,540,920	224	1.37
<b>C4G</b>	<b>3,060,500</b>	<b>1,214,690</b>	<b>251.96</b>	<b>1.77</b>
DGT	1,440,000	361,390	398	5.66
HPX	1,391,300	-	1.#J	19.96
<b>HSV</b>	<b>1,321,900</b>	<b>605,240</b>	<b>218.41</b>	<b>-4.44</b>
FUESSV30	707,500	28,490	2,483	2.78
PTL	389,900	150,950	258	0.75
<b>PPT</b>	<b>336,900</b>	<b>93,060</b>	<b>362.02</b>	<b>-0.95</b>
EIN	318,200	108,700	293	-6.82
DTI	288,100	74,560	386	6.25
SCL	284,400	128,370	222	-3.74
DXV	258,300	12,410	2,081	6.93
<b>D2D</b>	<b>212,600</b>	<b>61,780</b>	<b>344.12</b>	<b>6.99</b>
ASP	211,300	70,650	299	-0.62
HLC	168,200	20,320	828	1.45
BQB	162,800	43,160	377	13.73
KMR	139,000	65,950	211	0.28
<b>PPH</b>	<b>115,300</b>	<b>44,720</b>	<b>257.83</b>	<b>1.92</b>
KDM	105,900	15,660	676	-2.55
PCH	94,600	19,980	473	-1.03
PTI	93,000	1,530	6,078	0
MDC	74,400	3,850	1,932	1.77
<b>HU1</b>	<b>74,200</b>	<b>9,200</b>	<b>806.52</b>	<b>0.92</b>
FUEKIV30	71,300	24,750	288	1.98
TV6	62,600	15,260	410	14
BPC	56,900	1,150	4,948	1.16
IMP	56,900	23,410	243	1.19
XMC	51,700	22,870	226	2.78
VSH	46,800	12,810	365	-1.01
SRC	36,800	4,290	858	5.5
SD2	34,300	3,850	891	0
QNC	33,700	8,790	383	0
SDV	28,100	11,620	242	0.56
PHP	26,900	7,290	369	0.45
LAI	23,000	6,240	369	0.34
BT1	22,700	230	9,870	0
SZL	20,000	8,940	224	0.74

- Lưu ý: VIB, HPX...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
20-Mar	MWG	Mua	≤ 49	10% -20%	Buy Kumo Break out
20-Mar	GEX	Mua	≤ 24	10% -20%	Phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều
20-Mar	DIG	Mua	≤ 31	10% -20%	Đã có PullBack Retest thành công/Sóng 5 tăng giá mục tiêu 40

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 03 CỔ PHIẾU MỚI**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,200 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,300 điểm;
- Chúng tôi cho rằng VN-Index đang đi theo chu kỳ tháng 11/2017 và tháng 10/2020 – Do vậy, nhà đầu tư cần điều chỉnh chiến lược theo chu kỳ này ?
- VN-Index vận động theo đúng mô hình lý thuyết rũ bỏ của phân tích kỹ thuật – Tín hiệu tích cực;
- Nhóm ngân hàng đã hoàn tất mô hình sóng giảm giá 4 với mẫu hình ABC là phổ biến và đang hình thành sóng 5 tăng giá.*
- Nhóm chứng khoán sẽ hưởng lợi từ việc thí điểm Prefunding trong giai đoạn sắp tới phục vụ cho mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán;*
- Nhóm bất động sản vẫn đang trong chu kỳ phá đỉnh gần nhất và tiếp tục tăng giá theo sóng tăng giá xuất hiện trên thị trường thực tế trong 3 tuần qua;*

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 19/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.992 VND/USD, giảm nhẹ 02 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.141 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.752 VND/USD, tăng 34 đồng so với phiên 18/03. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.450 VND/USD và 25.550 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 19/03, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm tiếp 0,07 – 0,22 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 0,34%; 1W 0,61%; 2W 1,26% và 1M 1,84%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W; giao dịch tại: ON 5,19%; 1W 5,30%; 2W 5,36%, 1M 5,40%. Lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn trong khi giảm ở kỳ hạn 10Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,43%; 5Y 1,67%; 7Y 2,03%; 10Y 2,53%; 15Y 2,72%.
- Nghị quyết thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 10.000 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất hạ xuống mức 1,35%. Như vậy, NHNN hút ròng 10.000 tỷ đồng từ thị trường trong phiên hôm qua, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường tăng lên mức 99.998,8 tỷ đồng.

## Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;



# BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



## Sản lượng huy động điện thực tế

SỐ LIỆU TRONG THÁNG							
Thời gian	TỔNG SẢN LƯỢNG ĐIỆN SX & NK (Theo EVN)	Thủy điện	Nhiệt điện than	Nhiệt điện khí	Điện năng lượng tái tạo	Nhập khẩu	Khác
2024 01	23,970.00	4,790.00	12,750.00	1,850.00	4,090.00	438.00	52.00
2023 12	23,271.00	6,334.00	11,907.00	1,515.00	3,222.00	231.00	62.00
2023 11	23,228.00	7,830.00	9,930.00	1,900.00	3,120.00	400.00	48.00
2023 10	24,230.00	8,690.00	10,540.00	2,080.00	2,450.00	460.00	10.00
2023 09	23,600.00	9,600.00	9,120.00	1,560.00	2,780.00	480.00	60.00
2023 08	25,720.00	11,650.00	8,130.00	1,250.00	4,240.00	400.00	50.00
2023 07	25,600.00	6,870.00	13,090.00	2,480.00	2,510.00	430.00	220.00
2023 06	24,270.00	4,024.00	13,720.00	2,135.00	3,548.00	351.00	492.00
2023 05	25,460.00	5,276.00	13,220.00	3,405.00	2,742.00	339.00	478.00
2023 04	23,420.00	5,250.00	11,890.00	2,850.00	3,090.00	147.00	193.00
2023 03	23,220.00	4,810.00	11,560.00	2,820.00	3,770.00	218.00	42.00
2023 02	20,250.00	5,070.00	8,890.00	2,440.00	3,470.00	367.00	13.00
2023 01	18,360.00	5,500.00	7,580.00	1,880.00	2,980.00	368.00	52.00

## Xuất khẩu Clinker và xi măng

SỐ LIỆU TRONG THÁNG					
Thời gian	Giá trị xuất khẩu	%YoY_Tháng	Sản lượng xuất khẩu	%YoY_Tháng	Giá xuất khẩu bình quân
2024 02	76,277,482	-41.58%	2,020,690	-33.81%	37.75
2024 01	120,278,649	47.34%	3,203,432	70.01%	37.55
2023 12	97,987,353	-20.46%	2,526,333	-16.55%	38.79
2023 11	101,014,456	-5.87%	2,502,598	-2.77%	40.36
2023 10	110,705,583	17.45%	2,661,551	25.73%	41.59
2023 09	93,765,958	17.11%	2,288,481	30.53%	40.97
2023 08	115,856,565	-16.68%	2,706,196	-13.51%	42.81
2023 07	123,008,221	20.21%	2,790,298	27.72%	44.08
2023 06	119,459,971	88.07%	2,709,233	102.34%	44.09
2023 05	116,105,767	57.61%	2,638,226	66.85%	44.01
2023 04	112,533,177	-24.02%	2,542,693	-22.09%	44.26
2023 03	123,914,301	-10.59%	2,924,932	-7.21%	42.36
2023 02	130,578,458	-16.49%	3,052,711	-19.33%	42.77

Oxy đã có Break out – Tín hiệu tăng giá trung hạn xác nhận



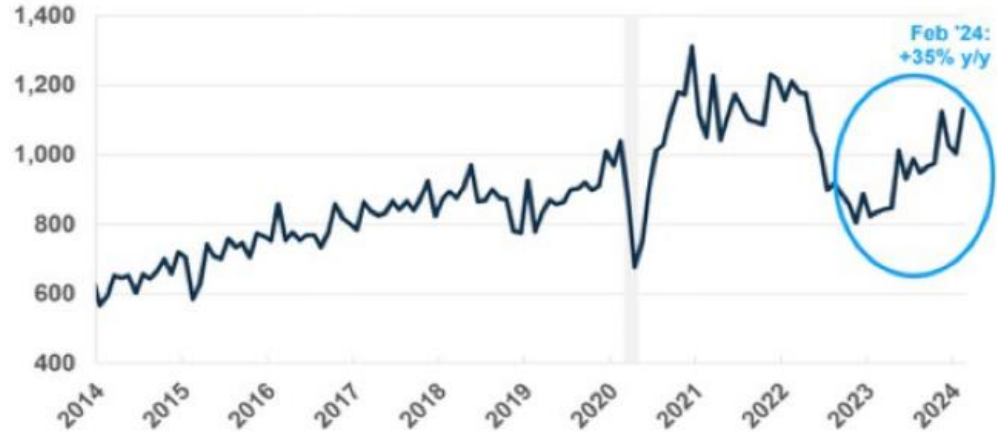
JPM thiết lập mốc cao mới trong 52 tuần – Tín hiệu tích cực



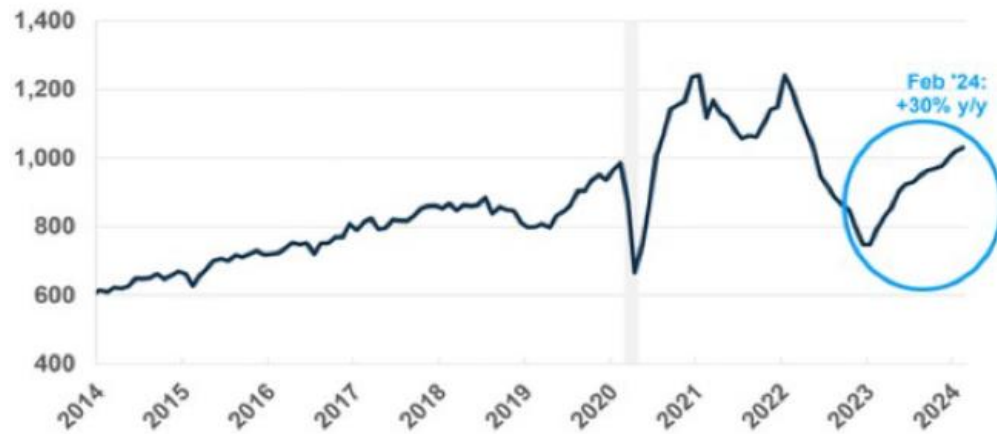
Giấy phép và hoạt động xây nhà riêng lẻ tăng trưởng mạnh mẽ

### Single-family housing activity in strong uptrend

Single-Family Housing Starts (SA, Thousands of Houses)



Building Permits: Single-Unit Housing Authorized (SA, Thousands of Houses)



Data source: Carson Investment Research, Factset 03/19/2024

**Kết luận:** Dự báo các chỉ số sẽ tăng điểm nhẹ vào phiên giao dịch tới nay.

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest


**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

### CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

